

CHƯƠNG TRÌNH ÔN TẬP VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC,
CAO ĐẲNG HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC

(Kèm theo Công văn số 681/BGDĐT-KTKDCLGD ngày 06/02/2009
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. MÔN VĂN (đề thi tự luận)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (5,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm): *Tái hiện kiến thức về giai đoạn văn học, tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam.*

- Khái quát văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945
- Hai đứa trẻ – Thạch Lam
- Chữ người tử tù – Nguyễn Tuân
- Hạnh phúc của một tang gia (trích Số đỏ) – Vũ Trọng Phụng
- Chí Phèo – Nam Cao
- Nam Cao
- Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài (trích Vũ Như Tô) – Nguyễn Huy Tưởng
- Vội vàng – Xuân Diệu
- Xuân Diệu
- Đây thôn Vĩ Dạ – Hàn Mặc Tử
- Tràng giang – Huy Cận
- Chiều tối – Hồ Chí Minh
- Từ ấy – Tố Hữu
- Một thời đại trong thi ca (trích) – Hoài Thanh và Hoài Chân
- Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến hết thế kỉ XX
- Tuyên ngôn Độc lập – Hồ Chí Minh
- Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh
- Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc – Phạm Văn Đồng
- Việt Bắc (trích) – Tố Hữu
- Tố Hữu
- Đất Nước (trích trường ca Mặt đường khát vọng) – Nguyễn Khoa Điềm
- Sóng – Xuân Quỳnh
- Dàn ghê ta của Lor-ca – Thanh Thảo
- Người lái đò Sông Đà (trích) – Nguyễn Tuân
- Nguyễn Tuân
- Ai đã đặt tên cho dòng sông? (trích) – Hoàng Phủ Ngọc Tường
- Vợ nhặt – Kim Lân
- Vợ chồng A Phủ (trích) – Tô Hoài
- Rừng xà nu – Nguyễn Trung Thành
- Những đứa con trong gia đình (trích) – Nguyễn Thi

- *Chữ người tử tù* – Nguyễn Tuân
- *Hạnh phúc của một tang gia* (trích *Số đỏ*) – Vũ Trọng Phụng
- *Chí Phèo* – Nam Cao
- *Đời thừa* – Nam Cao
- Nam Cao
- *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* (trích *Vũ Như Tô*) – Nguyễn Huy Tưởng
- *Vội vàng* – Xuân Diệu
- Xuân Diệu
- *Đây thôn Vĩ Dạ* – Hàn Mặc Tử
- *Tràng giang* – Huy Cận
- *Tương tư* – Nguyễn Bính
- *Nhật kí trong tù* – Hồ Chí Minh
- *Chiều tối* – Hồ Chí Minh
- *Lai Tân* – Hồ Chí Minh
- *Từ ấy* – Tố Hữu
- *Một thời đại trong thi ca* (trích) – Hoài Thanh và Hoài Chân
- *Tuyên ngôn Độc lập* – Hồ Chí Minh
- Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh
- *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* – Phạm Văn Đồng
- *Tây Tiến* – Quang Dũng
- *Tiếng hát con tàu* – Chế Lan Viên
- *Việt Bắc* (trích) – Tố Hữu
- Tố Hữu
- *Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng*) – Nguyễn Khoa Điềm
- *Sóng* – Xuân Quỳnh
- *Đàn ghi ta của Lor-ca* – Thanh Thảo
- *Người lái đò Sông Đà* (trích) – Nguyễn Tuân
- Nguyễn Tuân
- *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (trích) – Hoàng Phủ Ngọc Tường
- *Vợ nhặt* – Kim Lân
- *Vợ chồng A Phủ* (trích) – Tô Hoài
- *Rừng xà nu* – Nguyễn Trung Thành
- *Những đứa con trong gia đình* (trích) – Nguyễn Thi
- *Chiếc thuyền ngoài xa* – Nguyễn Minh Châu
- *Một người Hà Nội* – Nguyễn Khải
- *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (trích) – Lưu Quang Vũ.

II. MÔN LỊCH SỬ

Nội dung	Số câu
Phần chung cho tất cả thí sinh:	50
I. Lịch sử thế giới từ năm 1917 đến 1945 (những nội dung có liên quan đến Lịch sử Việt Nam ở lớp 12)	2
1. Ý nghĩa lịch sử Cách mạng tháng Mười Nga 1917.	(vận dụng)
2. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 và hậu quả của nó.	

Nội dung	Số câu
13. Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước năm 1975.	
14. Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976-1986)	
15. Đất nước trên đường đổi mới, đi lên chủ nghĩa xã hội (1986-2000)	
Phân riêng: <i>Thí sinh chỉ được làm một trong hai phần (Phần A hoặc B)</i>	10
A. Theo chương trình chuẩn	
I. Lịch sử thế giới từ năm 1945 đến năm 2000	3
1. Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945-1949)	
2. Liên Xô và các nước Đông Âu (1945-1991). Liên bang Nga (1991-2000)	
3. Các nước Đông Bắc Á	
4. Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ	
5. Các nước châu Phi và Mỹ Latinh	
6. Nước Mĩ	
7. Tây Âu	
8. Nhật Bản	
9. Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì chiến tranh lạnh	
10. Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỉ XX	
11. Tổng kết lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000.	
II. Lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000	7
1. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925	
2. Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1930	
3. Phong trào cách mạng 1930-1935	
4. Phong trào dân chủ 1936-1939	
5. Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939-1945). Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.	
6. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ sau ngày 2-9-1945 đến trước ngày 19-12-1946	
7. Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946-1950).	
8. Bước phát triển của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951-1953)	
9. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kết thúc (1953-1954)	
10. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954-1965)	
11. Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965-1973)	
12. Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao. Hiệp định Pari năm 1973 về việc lập lại hòa bình ở Việt Nam.	
13. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973-1975).	
14. Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước năm 1975.	

Nội dung	Số câu
16. Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao. Hiệp định Pari năm 1973 về việc lập lại hòa bình ở Việt Nam.	
17. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973-1975).	
18. Việt Nam trong năm đầu sau Đại thắng mùa Xuân 1975.	
19. Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976-1986)	
20. Việt Nam trên đường đổi mới, đi lên chủ nghĩa xã hội (1986-2000)	
21. Tổng kết lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến năm 2000.	

III. MÔN ĐỊA LÍ

Nội dung	Số câu	Ghi chú
A. PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH	50	
I. Lí thuyết (35 câu)		
- Địa lí tự nhiên Việt Nam + Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ + Lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ. + Đất nước nhiều đồi núi. + Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển. + Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa. + Thiên nhiên phân hoá đa dạng. + Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. + Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai.	8	
- Địa lí dân cư Việt Nam + Đặc điểm dân số và phân bố dân cư + Lao động và việc làm + Đô thị hoá	3	
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và địa lí các ngành kinh tế Việt Nam + Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp (đặc điểm nền nông nghiệp, vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, tổ chức lãnh thổ nông nghiệp) + Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp (cơ cấu ngành công nghiệp, vấn đề phát triển một số ngành công nghiệp trọng điểm, vấn đề tổ chức lãnh thổ công nghiệp) + Một số vấn đề phát triển và phân bố các ngành dịch vụ (giao thông vận tải, thông tin liên lạc, thương mại, du lịch)	12	
- Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam + Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ + Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng + Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ + Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ	12	